

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/HNGĐ

Ngày: 29-4-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Y và ông Phạm Ngọc Minh

- T ký phiên tòa: bà Lê Thị Nhân – T ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 326/2021/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Phạm Quốc L - Sinh năm: 1993 – Có mặt

Bị đơn: bà Nguyễn Thị Thu D - Sinh năm: 1990 – Vắng mặt lần thứ 2, không có lý do.

Cùng địa chỉ: thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29-12-2021 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Quốc L trình bày:*

Về hôn nhân: ông và bà Nguyễn Thị Thu D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Sơn theo giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 29-4-2016. Do bất đồng về quan điểm sống nên đến năm 2020 thì không còn chung sống với nhau nữa, trong thời gian này không ai quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà D.

Về con chung: ông và bà D có hai con chung là cháu Phạm Nguyễn Anh T – Sinh ngày: 20-4-2017 và Phạm Nguyễn Mai T – Sinh ngày: 05-12-2018, các cháu đang ở cùng bà D. Khi ly hôn, ông yêu cầu tiếp tục giao các con cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu một tháng là 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự túc được và yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con trong bản án.

Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn trình bày:* bị đơn bà Nguyễn Thị Thu D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập lên lấy lời khai, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về thời gian, địa điểm xét xử vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến trình bày.

** Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu về thủ tục tố tụng cũng như nội dung giải quyết vụ án được tóm tắt như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, T ký đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng, đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do chính đáng nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn ông Phạm Quốc L với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu D; giao các con chung cho bà Nguyễn Thị Thu D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Quốc L cấp dưỡng nuôi con cho mỗi cháu 1.500.000 đồng một tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự túc được; Buộc ông Phạm Quốc L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Quan hệ tranh chấp được xác định là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Bị đơn ông bà Nguyễn Thị Thu D được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thu D.

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân:

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định được ông Phạm Quốc L và bà Nguyễn Thị Thu D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Sơn, huyện N theo giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 29-4-2016. Thời điểm kết hôn, có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, hôn nhân giữa ông Phạm Quốc L và bà Nguyễn Thị Thu D là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét lời trình bày của ông Nguyễn Quốc L về tình trạng hôn nhân, con chung phù hợp với Biên bản xác minh ngày 07-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện N tại chính quyền địa phương nơi vợ chồng ông Phạm Quốc L và bà Nguyễn Thị Thu D đăng ký Tờng trú và chung sống, nên có đủ cơ sở để xác định được: nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên từ năm 2020 cho đến nay, ông L và bà D không còn chung sống với nhau nữa, trong thời gian sống cách xa nhau, không ai quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống. Điều này đã chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận cho ông Phạm Quốc L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu D.

[2.2]. Về con chung: ông L và bà D có hai con chung, hiện tại các cháu đang do bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Do đó, tiếp tục giao các con chung cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tại phiên tòa, ông L đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án việc ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng là 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự túc được. Xét việc ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc ông Phạm Quốc L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phạm Quốc L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

[3]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử lý về án phí là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-

2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Quốc L.

1. Về hôn nhân: ông Phạm Quốc L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu D;

2. Về con chung:

Giao cho bà Nguyễn Thị Thu D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên: Phạm Nguyễn Anh T – Sinh ngày: 20-4-2017 và Phạm Nguyễn Mai T – sinh ngày 05-12-2018.

Ghi nhận việc ông Phạm Quốc L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu một tháng là 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: ông Phạm Quốc L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Phạm Quốc L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000382 ngày 30-11-2021, ông Phạm Quốc L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt Nguyên đơn. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P, N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi: 09h00', ngày 30 tháng 10 năm 2020

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hường và bà Bá Thị Thu Vân

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 331/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2020 về Ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Trung Luật - Sinh năm: 1978; trú tại: Đội 1, Hợp tác xã 4, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Cao Thị Ngọc Phúc - Sinh năm: 1985; trú tại: Thôn 4, xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở hiện tại: Thôn Thái Giao, huyện N, tỉnh Ninh Thuận – Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được triệu tập hợp, có ý kiến vắng văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Điều luật áp dụng: Căn cứ: khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của ông Trần Trung Luật với bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trung Luật được ly hôn với anh bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Thùy Dương, sinh ngày 22-5-2004 cho ông Trần Trung Luật trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (Cháu Dương đang ở cùng ông Luật). Bà Cao Thị Ngọc Phúc không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Luật không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về án phí: Ông Trần Trung Luật phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Tòa án ông Luật đã nộp theo Biên lai tu tiền số 0006067 ngày 10-6-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09h30' ngày 30 tháng 10 năm 2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ông Tuấn trình bày trong thời gian chung sống ông và bà Du có mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, Tòng xuyên cãi vã, đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017, trong thời gian không chung sống không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống.